

Số: 247 /BC-SNN

Quảng Trị, ngày 17 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thi hành Hiến pháp, các văn bản QPPL cấp trên và Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2019

Ngày 01/10/2019, Sở Tư pháp có Công văn số 937/STP-QLXLVPHC về việc báo cáo thi hành Hiến pháp, các văn bản QPPL cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Tình hình triển khai thi hành các Luật, văn bản QPPL dưới Luật

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Về nhiệm vụ: thực hiện nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của UBND Tỉnh về việc ban hành Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Với quy định về chức năng, nhiệm vụ và căn cứ các Quy định của Luật, văn bản dưới Luật liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và PTNT, Sở đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cùng phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ. Hàng năm, Sở đều ban hành Kế hoạch thực hiện, chương trình công tác trọng tâm; ký cam kết thực hiện nhiệm vụ kế hoạch giữa Lãnh đạo Sở với Lãnh đạo các đơn vị thuộc ngành nhằm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách đồng bộ và quyết liệt.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các Luật, văn bản QPPL dưới Luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được xác định là một trong nhiệm vụ chính trị quan trọng của toàn ngành, là cầu nối để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng đó, Đảng ủy, Lãnh đạo Sở đã thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở bám sát

các Luật, Chỉ thị, Nghị quyết, các Văn bản chỉ đạo của cấp trên để triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với tình hình của đơn vị. Trong năm 2019, Sở đã ban hành Kế hoạch số: 1820/KH-SNN ngày 28/12/2018 về tuyên truyền phổ biến luật năm 2019, qua đó yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai tuyên truyền, phổ biến: Luật Thủy lợi, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Tổ cáo, và các văn bản Luật khác được ban hành trong năm 2019; Tổ chức phổ biến thường xuyên các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT; Triển khai các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân mới được thông qua; Triển khai thực hiện “Ngày pháp luật năm 2019” với các hình thức thiết thực, phù hợp với tình hình của đơn vị.

Về cách thức triển khai, thực hiện: Căn cứ tình hình thực tế của các đơn vị để chọn các hình thức triển khai phù hợp bằng: tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến, phát hành ấn phẩm, các bản tin, đài báo, chuyên mục truyền hình.... Sở giao Thanh tra Sở là đơn vị chủ trì có nhiệm vụ tham mưu các văn bản chỉ đạo và thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc công tác triển khai của các đơn vị trực thuộc và cử một cán bộ thanh tra là báo cáo viên cấp tỉnh. Thanh tra Sở tham mưu xây dựng kế hoạch và các văn bản chỉ đạo thực hiện hàng năm.

Nhìn chung trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Lãnh đạo Sở công tác tuyên truyền, phổ biến các Luật, văn bản QPPL dưới Luật được thực hiện kịp thời, đầy đủ những nội dung pháp luật liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của Sở, góp phần nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các Luật, văn bản QPPL dưới Luật còn gặp một số khó khăn: Đội ngũ báo cáo viên làm công tác tuyên truyền pháp luật tại các đơn vị chưa được tập huấn về nghiệp vụ nên khả năng truyền đạt có phần hạn chế. Trình độ dân trí của người dân tại các vùng nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp nên việc tiếp cận các thông tin được truyền đạt hạn chế, kinh phí cho công tác tuyên truyền còn hạn chế.

3. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành các Luật, văn bản QPPL dưới Luật năm 2019

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu xây dựng dự thảo các Nghị quyết trình HĐND tỉnh:

+ Nghị quyết hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Nghị quyết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

+ Nghị quyết cơ chế chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2021, định hướng đến năm 2025: đã được Chi cục TT-BVTV hoàn thiện Dự thảo Đề án và Nghị quyết (lần 3) và trình Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 202/TTBVTV-T.Trệt ngày 26/4/2019.

+ Nghị quyết về việc Quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện các dự án trong năm 2019. (Ngoài Kế hoạch)

Trong đó, HĐND tỉnh đã thông qua 03 Nghị quyết: "Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030"; "Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về việc Quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện các dự án trong năm 2019" và "Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về Quy định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị".

- Tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định (QPPL) trình UBND tỉnh xem xét, ban hành bao gồm:

+ Quyết định về ban hành quy định mức hỗ trợ cho hộ gia đình và chi phí quản lý Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020.

+ Quyết định về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

+ Quyết định ban hành Quy định tiêu chí đặc thù của địa phương và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

+ Quyết định ban hành Quy chế quản lý Cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tỉnh Quảng Trị.

+ Quyết định ban hành quy chế quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị.

+ Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

+ Quyết định ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trong đó, đã được UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định: “Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về ban hành quy định mức hỗ trợ cho hộ gia đình và chi phí quản lý Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020”; “Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” và “Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 ban hành Quy định tiêu chí đặc thù của địa phương và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Sở đã luôn phát huy chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của mình trong việc soạn thảo, tham mưu ban hành, thực thi văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh, đã kịp thời rà soát các VBQPPL cấp trên và tình hình thực tế của ngành để tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều VBQPPL, góp phần lớn vào việc quản lý nhà nước của Tỉnh. Trong quá trình xây dựng, tham mưu ban hành văn bản luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật từ khâu đề nghị, soạn thảo, lấy ý kiến, tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền... Sau khi văn bản được ban hành, Sở đã chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành nghiêm túc thực hiện, đảm bảo văn bản được thực thi hiệu quả.

4. Những tồn tại, hạn chế:

Việc các Luật và văn bản dưới Luật được ban hành một cách kịp thời, sâu rộng để thực hiện việc quản lý nhà nước trên nhiều vực đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan Nhà nước thực thi nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện các Luật và văn bản dưới Luật vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Tình trạng tính khả thi trong các quy định của văn bản luật còn chưa đều, nhiều quy định có tính khả thi thấp, chưa dựa trên các cơ sở thực tiễn vững chắc.

- Tính ổn định, tính minh bạch (rõ ràng), tính dễ tiên liệu của các quy định pháp luật còn hạn chế.

- Tình trạng thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất về nội dung giữa các văn bản pháp luật còn khá nhiều.

- Tình trạng chồng chéo, trùng lặp khá phổ biến của các văn bản quy phạm pháp luật. Nhiều quy định của văn bản này mâu thuẫn với quy định của văn bản khác, thậm chí ngay trong một văn bản.

5. Kiến nghị, đề xuất

- Cần chỉ đạo quyết liệt và nghiêm túc thực hiện việc rà soát lại các văn bản hiện có; hủy bỏ những quy định đã không còn hiệu lực, hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; sửa chữa, bổ sung các quy định cho rõ; hạn chế tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản, tạo sự phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp các bộ, ban, ngành sẽ bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán của văn bản luật được soạn thảo.

- Thực hiện việc thẩm định các dự án Luật, văn bản dưới Luật một cách chặt chẽ, kỹ lưỡng. Có cơ chế nâng cao trách nhiệm của các cơ quan được hỏi ý kiến để những ý kiến có đóng góp thực sự vào việc xây dựng các văn bản trình các cấp có thẩm quyền quyết định.

II. Tình hình triển khai thi hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh:

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh:

Ngoài việc tiếp tục chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện các Nghị quyết trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đã được HĐND tỉnh ban hành qua các năm, năm 2018, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về việc Quyết định chủ trương chuyên đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện các dự án trong năm 2019;

- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về Quy định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như sau:

- Đối với Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020: Để triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 2393/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020. Việc ban hành Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng và hiệu quả thiết thực, làm cơ sở để các địa phương, đơn vị áp dụng thực hiện phù hợp trong giai đoạn 2019-2020. Sở sẽ tiếp tục có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương

triển khai thực hiện quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá dịch vụ thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

- Đối với Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/07/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030: Sở đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm đă xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai mở rộng chứng chỉ rừng năm 2019, thành lập Tổ công tác về Chứng chỉ rừng để triển khai thực hiện nhiệm vụ; Tham mưu Sở tổ chức Hội nghị triển khai nhân rộng rừng trồng cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC trên địa bàn tỉnh cho đối tượng là Lãnh đạo các ngành chức năng liên quan, lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã và các doanh nghiệp chế biến,... để phổ biến việc triển khai phát triển quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh. Ban hành công văn số 1625/SNN-KHTC ngày 08/10/2019 gửi UBND các huyện, TP, TX về việc đăng ký nội dung thực hiện Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐND.

- Đối với Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 20/07/2019 về quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện các dự án trong năm 2019: Sở đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu thực hiện tốt việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang thực hiện các dự án.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết của HĐND tỉnh:

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện các Nghị quyết, Đề án của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành đến toàn thể các cấp lãnh đạo, công chức chuyên môn trong toàn Ngành và công chức chuyên viên cơ quan Sở, đồng thời tuyên truyền thông qua các cơ quan báo chí, đài truyền hình trên địa bàn tỉnh, qua trang thông tin điện tử Sở.

Ngoài cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức hội nghị giao ban toàn ngành để đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng giai đoạn của năm:

- Hội nghị cán bộ công chức và ký Giao ước thi đua năm 2019.
- Hội nghị triển khai kế hoạch ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2019 và tổ chức ký cam kết thực hiện nhiệm vụ năm 2019.
- Hội họp triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm.
- Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và tình hình thực hiện cam kết trách nhiệm giữa thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở với lãnh đạo Sở 9 tháng đầu năm 2019; triển khai nhiệm vụ thời gian đến.

Mặt khác, lãnh đạo Sở tổ chức làm việc với từng cơ quan đơn vị thuộc Sở về triển khai thực hiện nhiệm vụ trên từng lĩnh vực: lâm nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản, nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi.

3. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh:

3.1. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị Quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình kiên cố hóa kênh mương (KCH) tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025:

Xác định đây là đề án đòi hỏi huy động nguồn lực rất lớn để tổ chức thực hiện, mặc dù trong điều kiện nguồn ngân sách địa phương còn nhiều hạn chế, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên bố trí nguồn sự nghiệp kinh tế để góp phần thực hiện các chỉ tiêu của đề án đặt ra. Bên cạnh đó, đặc biệt chú trọng việc tham mưu và thực hiện lồng ghép, tranh thủ, huy động nguồn vốn từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội, nhân dân đóng góp để triển khai hiệu quả các mục tiêu của nghị quyết đã đề ra (như các nguồn vốn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, các dự án của tổ chức phi chính phủ, các dự án vốn vay nước ngoài WB5, WB7...).

Kết quả đạt được: Tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hóa 242,9km với tổng kinh phí 175,9 tỷ đồng (Kênh loại I : 4/4 km đạt tỷ lệ 100%, với kinh phí 16,8 tỷ đồng; Kênh loại II: 12,4/20 km đạt tỷ lệ 62%, với kinh phí 52,1 tỷ đồng; Kênh loại III: 226,5/603 km đạt tỷ lệ 38%, với kinh phí 107 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn từ Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị: 138,3tỷ đồng.

- Vốn Ngân sách tỉnh và các vốn vay (vốn sự nghiệp thủy lợi, vốn Nông thôn mới, vốn thủy lợi phí, vốn đất trồng lúa...): 17,7 tỷ đồng.

- Nhân dân đóng góp: 19,9 tỷ đồng.

Chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2020 cùng với tiếp nối Chương trình kiên cố hóa kênh mương 2010-2015 góp phần từng bước hoàn thiện và đồng bộ hạ tầng thủy lợi của tỉnh đã đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đáp ứng các mục tiêu theo kế hoạch đề ra: Đảm bảo cho các cấp kênh chuyên đulưu lượng thiết kế, thực hiện việc kiên cố đồng bộ trong từng hệ thống, công trình; nâng cao công suất tưới, tiết kiệm nước, tiết kiệm đất xây dựng,tiết kiệm điện năng, nhiên liệu, giảm chi phí quản lý khai thác và kéo dài tuổi thọ công trình. Đến nay, đã đảm bảo công tác tưới tiêu ổn định, chủ động cho trên 85% diện tích gieo cấy lúa 02 vụ với 50.479ha, tưới cho màu, mạ, cây công nghiệp: 2.162 ha, cấp nước cho 1.975ha nuôi trồng thủy sản, tiêu nước đầu, cuối vụ: 7.500ha;tăng dần diện tưới cho cây hoa màu, cây công nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu và đa dạng hóa cây trồng, mở rộng cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản và các ngành, nghề kinh tế khác.Góp phần đưa sản lượng lương thực có hạt đạt cao nhất từ trước tới nay đạt 28,98 vạn tấn; năng suất lúa bình quân toàn tỉnh đạt 56,2 tạ/ha.

Bên cạnh đó, với hệ thống kênh mương được điều chỉnh phù hợp với thực tế, kết hợp có hiệu quả với các trục giao thông nội đồng, liên vùng thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân, cải thiện hệ thống giao thông nông thôn, góp phần quan trọng trong việc chỉnh trang bộ mặt nông thôn. Đồng thời, hỗ trợ tích cực cho các địa phương hoàn thiện tiêu chí Thủy lợi trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

3.2. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/07/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030:

Nhiệm vụ phát triển rừng trồng FSC: Chi cục Kiểm lâm đã xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai mở rộng chứng chỉ rừng năm 2019, thành lập Tổ công tác về Chứng chỉ rừng để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Phối hợp Dự án Phát triển nông thôn Miền Trung thuộc Công ty Thương mại Quảng Trị tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực về Quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng FSC cho 25 học viên đối tượng là công chức Kiểm lâm ở các đơn vị.

Triển khai 06 cuộc hội thảo giới thiệu về chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC cho 240 lượt người tại các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ và thành phố Đông Hà, đối tượng là cán bộ Lâm nghiệp, đại diện các HTX có rừng và các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân để đăng ký tham gia. Kết quả của đợt đánh giá: Chứng chỉ FSC đã được cấp trước đây của Nhóm hộ được duy trì, diện tích mới đăng ký được công nhận, diện tích phát triển mới của Nhóm hộ năm 2019 là 17 hộ/1.361,1 ha mới được cấp chứng chỉ. Từ nay đến cuối năm tiếp tục các hoạt động tập huấn về nguyên tắc, tiêu chí FSC, tập huấn về áp dụng kỹ thuật lâm sinh cho trồng rừng gỗ lớn và lập Kế hoạch quản lý rừng bền vững cho những diện tích mới được chấp nhận cấp chứng chỉ này.

3.3. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 20/07/2019 về quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện các dự án trong năm 2019

Đã tham mưu thực hiện tốt việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang thực hiện các dự án đã được HĐND tỉnh quyết định phê chuẩn với 07 dự án, diện tích rừng chuyển đổi 98,49 ha và 02 dự án được HĐND chấp thuận chủ trương chuyển đổi với diện tích 19,12 ha, tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư, góp phần đẩy nhanh tiến độ các dự án.

3.4. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

a. Về chăn nuôi:

Thực hiện Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao chỉ tiêu thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2019. Trong đó, năm 2019 thực hiện hỗ trợ 50 bò nái hậu bị và 400 sào trồng cỏ cho các huyện tập trung chủ yếu các huyện Triệu Phong, ĐaKông và Hướng Hóa. Tổng kinh phí hỗ trợ 1,02 tỷ đồng. Hiện nay các địa phương đang tích cực triển khai thực hiện chương trình.

b. Về Thủy sản:

+ **Huyện Vĩnh Linh:** Hỗ trợ và xây dựng thành công mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) tại xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với tổng kinh phí hỗ trợ là 400 triệu đồng.

+ **Huyện Gio Linh:** Hỗ trợ và xây dựng thành công mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) tại xã Trung Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị với tổng kinh phí hỗ trợ là 400 triệu đồng..

+ **Huyện Triệu Phong:** Hỗ trợ và xây dựng thành công mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) tại xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị với tổng kinh phí hỗ trợ là 400 triệu đồng.

+ **Huyện Hải Lăng:** Hỗ trợ và xây dựng thành công mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) tại xã Hải An, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị với tổng kinh phí hỗ trợ là 400 triệu đồng.

+ **Thành phố Đông Hà:** Hỗ trợ xây dựng mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) tại phường Đông Lương và phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị với tổng kinh phí hỗ trợ là 400 triệu đồng/mô hình.

c. Về Trồng trọt:

- **Đối với cây Hồ tiêu**

Đến hết tháng 9/2019, toàn tỉnh hỗ trợ triển khai thực hiện được 04 ha Hồ tiêu. Cụ thể:

+ Huyện Vĩnh Linh đã hỗ trợ 05 hộ (01 ha) tại xã Vĩnh Giang tiến độ giải ngân 100%.

+ Huyện Gio Linh với 02 ha trồng tại xã Gio Hòa, Linh Hải tiến độ giải ngân đạt 90%.

+ Huyện Cam Lộ thực hiện 20 hộ (01 ha) tại xã Cam Chính, tiến hành lắp đặt hệ thống tưới và cấp vật tư theo kế hoạch.

- **Đối với mô hình lúa chất lượng cao**

Toàn tỉnh triển khai thực hiện đạt 400 ha. Cụ thể:

- + Huyện Hải Lăng đã triển khai 100 ha (xã Hải Tân, Hải Dương);
- + Thành Phố Đông Hà 60 ha (Phường Đông Lễ 40 ha, Đông Lương 20 ha) đã hoàn thành mô hình;
- + Huyện Vĩnh Linh hỗ trợ với diện tích 240 ha cho 16 HTX đã giải ngân 77 triệu đồng (64,1%) (các xã: Vĩnh Nam, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thạch, Vĩnh Tú, Vĩnh Trung, và TT Hồ Xá).

Các mô hình trong vụ Hè thu đạt kết quả tốt cả về năng suất và tiêu thụ sản phẩm.

- **Mô hình tái canh cây Cà phê:** Huyện Hướng Hóa dự kiến triển khai thực hiện 104,18 ha tại 6 xã: Hướng Phùng, Tân Hợp, Ba Tầng, Húc, Hướng Tân và TT Khe Sanh của Huyện Hướng Hóa. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bão số 04 và ATNĐ diễn ra cuối tháng 8 nên dự kiến sẽ cấp giống cho các hộ đến cuối tháng 10/2019.

- **Mô hình cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu**

Toàn tỉnh triển khai thực hiện một số mô hình ứng dụng công nghệ cao cho cây ăn quả, dược liệu. Cụ thể:

+ Thị xã Quảng Trị phân bổ 100 triệu đồng để xây dựng mô hình, tại xã Hải Lệ, tháng 11 lắp hệ thống tưới nhỏ giọt và hoàn thành giải ngân;

+ Huyện Hướng Hóa liên kết với Công ty TNHH MTV tư vấn Nông lâm Quảng Trị trồng và tiêu thụ cây Ba kích trên địa bàn xã Tân Hợp. Dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 10/2019;

+ Huyện Cam Lộ với mô hình cây Ôi Cam Hiếu đã khảo sát chọn hộ và dự kiến trồng vào tháng 10/2019.

d. Về Công tác chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tổng kinh phí: 2.744.000.000đ

Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua xây dựng các mô hình trình diễn trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản với 18 loại mô hình:

- **Chương trình trồng trọt**

Kinh phí: 657.000.000đ

Trong năm 2019, Trung tâm triển khai thực hiện các MH:

Mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ sử dụng giống lúa mới năng suất, chất lượng

MH thâm canh, chăm sóc giống cà phê mới, 2,5 ha;

MH trồng thâm canh cam, bưởi da xanh áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm, 6 ha.

Thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh “ *Nghiên cứu, xây dựng mô hình thí nghiệm một số giống cây cà phê chè có triển vọng trên địa bàn huyện Hương Hóa*”, quy mô 0,5 ha; thực hiện từ năm 2018-2020, hiện cây sinh trưởng phát triển tốt, đang chăm sóc và theo dõi.

- Chương trình chăn nuôi

Kinh phí: 1.155.000.000đ

Chương trình cải tạo đàn bò đã phối được 7.620 con/10.000 con bò, đạt 76,2% kế hoạch; chương trình cải tạo đàn trâu đã phối giống được 72/300 con, đạt 24% KH.

MH nuôi bò thâm canh, quy mô 3 MH (10 con/MH)

Đặc biệt trong năm 2019, đã thực hiện khảo sát, đánh giá chất lượng đàn bò toàn tỉnh, qua kết quả điều tra, khảo sát cho thấy: Tổng đàn bò toàn tỉnh có 54.134 con, trong đó bò vàng VN có 24.427 con, chiếm tỷ lệ 45,12% tổng đàn, bò lai Zêbu có 29.707 con, chiếm 54,88% tổng đàn, kết quả số liệu phản ánh đúng thực chất của việc chăn nuôi bò và công tác cải tạo đàn bò trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình lâm nghiệp

Kinh phí: 356.000.000đ

Chương trình khuyến lâm tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc các mô hình năm trước như: Chăm sóc mô hình trồng cây sa nhân tím dưới tán rừng năm 2, 3, quy mô 10,8 ha;

Mô hình chăm sóc năm 2 cây ba kích tím 1 ha.

Năm 2019, thực hiện các mô hình:

MH Nông lâm kết hợp 11,5 ha,

MH chuyển hóa rừng keo lai từ gỗ nhỏ sang gỗ lớn 20 ha.

- Chương trình thủy sản

Kinh phí: 576.000.000đ, trong đó nuôi trồng thủy sản: 471.900.000đ, chế biến thủy sản: 92.800.000đ

Chương trình khuyến ngư năm 2019 đã có một số chuyển biến tích cực, các mô hình đạt kết quả tốt, đặc biệt việc mạnh dạn áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi mới đã góp phần tăng năng suất, nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.

MH nuôi tôm kết hợp cá di và cua trong ao 0,4 ha.

MH nuôi tôm thâm canh 2 giai đoạn công nghệ Biofloc 1,5 ha được thực hiện từ nguồn kinh phí của nguồn ngân sách tỉnh và dự án KNQG.

đ. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án (**Dự án WB7**)

- Vụ Đông Xuân 2018-2019: Mô hình nhân rộng CSA lúa “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích”: Diện tích 545,16 ha thực hiện tại 19 HTX của các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong, Đông Hà, có 2.161 hộ tham gia. Về cơ cấu giống lúa: Bắc Thơm số 7, DT 100, Thiên Ưu 8; HN6, NA2. Năng suất của các giống lúa trong mô hình đạt từ 54-68 tạ/ha cao hơn đại trà từ 3-8 tạ/ha.

- Vụ Hè Thu 2019: Cây lúa diện tích 359 ha, có 1.476 hộ tham gia, thực hiện tại các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, giống lúa DT 100, HN6, BT7, NA2, năng suất cao nhất đạt 63 tạ/ha, thấp nhất đạt 44 tạ/ha cao hơn đại trà từ 2-10 tạ/ha, tùy theo giống và vùng sản xuất.

3.5. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kiện toàn mạng lưới khuyến nông và thú y cơ sở tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2020

*** Số lượng và trình độ của đội ngũ Thú y cơ sở**

- Nhân viên thú y

| TT | Đơn vị | Số lượng | Trình độ chuyên môn | | | | |
|-------------|--------------|------------|---------------------|-----------|-----------|----------|-----------|
| | | | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | Khác |
| 1 | Vĩnh Linh | 22 | 1 | 4 | 15 | 2 | 0 |
| 2 | Gio Linh | 21 | 0 | 2 | 19 | 0 | 0 |
| 3 | Đông Hà | 9 | 0 | 2 | 7 | 0 | |
| 4 | Cam Lộ | 9 | 0 | 2 | 7 | | |
| 5 | Đakrông | 9 | 0 | 1 | 4 | 3 | 1 |
| 6 | Hướng Hóa | 21 | 2 | 1 | 9 | 0 | 9 |
| 7 | Triệu Phong | 19 | 2 | 4 | 13 | | |
| 8 | TX Quảng Trị | 5 | 0 | 1 | 4 | 0 | 0 |
| 9 | Hải Lăng | 20 | 0 | 1 | 19 | 0 | 0 |
| Cộng | | 135 | 5 | 18 | 97 | 5 | 10 |

- Cộng tác viên thú y:

| TT | Đơn vị | Số lượng | Trình độ chuyên môn | | | | |
|-------------|--------------|------------|---------------------|----------|-----------|------------|-----------|
| | | | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | Khác |
| 1 | Vĩnh Linh | 41 | 0 | 3 | 18 | 20 | 0 |
| 2 | Gio Linh | 40 | 0 | 0 | 19 | 16 | 5 |
| 3 | Đông Hà | 6 | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 |
| 4 | Cam Lộ | 17 | 1 | 0 | 2 | 14 | 0 |
| 5 | Đakrông | 25 | 0 | 0 | 0 | 17 | 8 |
| 6 | Hương Hóa | 4 | 0 | 1 | 1 | 2 | 0 |
| 7 | Triệu Phong | 37 | 0 | 2 | 13 | 21 | 1 |
| 8 | TX Quảng Trị | 4 | 0 | 0 | 1 | 3 | 0 |
| 9 | Hải Lăng | 39 | 2 | 0 | 9 | 28 | 0 |
| Cộng | | 213 | 3 | 6 | 67 | 123 | 14 |

*** Đánh giá kết quả hoạt động**

Đa số cán bộ Thú y cơ sở đều nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao như tham mưu và giúp việc cho chính quyền cơ sở về nắm số liệu tổng đàn, phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng, tiêu độc khử trùng và phát triển chăn nuôi trên địa bàn. Hàng tháng đội ngũ Thú y cơ sở đều tham gia trực báo tại các Trạm để báo cáo diễn biến tình hình công tác chăn nuôi và thú y của địa bàn phụ trách. Tuy nhiên, vẫn còn một số Trạm đội ngũ Thú y cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực phụ trách như: Trạm Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Linh, Đakrông và Hương Hóa.

*** Số lượng và trình độ của đội ngũ khuyến nông viên cơ sở**

Đến thời điểm hiện tại cơ bản các huyện, thị, thành phố tuyển dụng đủ số lượng khuyến nông viên theo yêu cầu, đạt 133/135 KNV cấp xã, 393/393 CTVKN (Đông Hà mới tuyển được 5/7 KNV, một số huyện đã tuyển đủ nhưng đến nay có một số KNV chuyển công tác khác xã chưa tuyển dụng lại như ở Hương Hóa, Gio Linh). Đội ngũ KNV, CTVKN là cánh tay nối dài của lực lượng khuyến nông, nhằm tăng cường lực lượng cho cơ sở đáp ứng nhiệm vụ chuyển giao khoa học kỹ thuật, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn mới; cũng như quá trình xã hội hoá công tác khuyến nông.

Tại các huyện, thị, thành phố sau khi có quyết định tuyển dụng, đội ngũ khuyến nông viên cấp xã, CTV thôn bản đã đi vào hoạt động ổn định.

3.6. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; trong đó đối với lĩnh vực chăn nuôi chú trọng quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, gia trại thâm canh phù hợp với điều kiện, lợi thế từng vùng, từng địa phương, qua hai năm thực hiện đã đạt được một số kết quả:

+ Đối với trâu bò: đã hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, thâm canh như thôn Bắc Bình, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ; các xã vùng Đông huyện Vĩnh Linh: Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch, Vĩnh Tân,...; đồng thời đang từng bước quy hoạch, nhân rộng và phát triển tại một số huyện có điều kiện phù hợp như Cam Lộ, ĐaKông, Hướng Hóa và các vùng phía Tây của tỉnh.

+ Đối với lợn: Một số địa phương đã thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại như Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Cam Lộ. Toàn tỉnh hiện có 40 trang trại chăn nuôi lợn với quy mô trên 300 đến 2.000 con; 5 doanh nghiệp lập dự án chăn nuôi (Doanh nghiệp Tân Triều, Doanh Nghiệp Phước Trình, Doanh nghiệp Hùng Dung, doanh Nghiệp Thảo Vân, Doanh nghiệp Trường Phú). Đối với chăn nuôi lợn nông hộ có 28.959 hộ chiếm 99,9% hộ, cơ sở chăn nuôi lợn từng bước hình thành các vùng giống nhân dân tại các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh...

3.7. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020:

Các mục tiêu đạt được:

+ Về số xã đạt được nông thôn mới: toàn tỉnh đã có 52/117 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 44,4%) và dự kiến đến cuối năm 2019 có thêm 6-8 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 58-60 xã (chiếm tỷ lệ 49,6-51,3%),

+ Tiêu chí bình quân là 15,07 tiêu chí/xã

+ Có 03 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu,

+ Có 01 huyện dự kiến đạt chuẩn năm 2019 (huyện Cam Lộ),

+ Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 tăng gấp 2,5 lần so với năm 2010;

+ Hiện đang hỗ trợ xã Triệu Nguyên đạt chuẩn năm 2020

Như vậy các mục tiêu cơ bản đến thời điểm này đã đạt, riêng các mục tiêu không còn huyện trắng xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đồng bằng dưới 16 tiêu chí, không còn xã miền núi dưới 8 tiêu chí và mỗi huyện có từ 1-2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu sẽ phấn đấu đạt trong năm 2020

Đối với quy định về định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới: Các địa phương đều áp dụng theo đúng quy định

3.8. Những kết quả đạt được trong việc triển khai thi hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân tỉnh về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 -2020:

Các địa phương đã triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết số 03/2018/NQ- HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Đến nay chưa có địa phương nào phản ánh về khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Những tồn tại, hạn chế:

4.1. Đối với Nghị Quyết số 27/2016/NQ-HĐND:

Việc thực hiện Đề án đã được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng thực hiện, tuy nhiên đến nay kết quả đạt được chưa đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Qua quá trình tổ chức thực hiện, ngành xác định một số nguyên nhân, tồn tại như sau:

- Nguồn vốn bố trí hàng năm thấp, đặc biệt là vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương, vốn vay ưu đãi chưa được hỗ trợ. Trong thời gian vừa qua, nguồn vốn thực hiện chủ yếu từ Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị, trong khi vốn ngân sách tỉnh, vốn các dự án khác và vốn đóng góp của dân rất thấp.

- Một số hệ thống các công trình thi công thiếu đồng bộ, kênh cấp trên được KCH nhưng kênh cấp dưới chưa KCH hoặc ngược lại dẫn đến chưa phát huy cao hiệu quả tưới.

- Vốn sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn hàng năm cho công trình hạn chế, đặc biệt là các công trình do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi quản lý, trong năm 2016 được 793 triệu, năm 2017 với 136,0 triệu và năm 2018 không bố trí.

- Các địa phương chưa chủ động bố trí các nguồn vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương để thực hiện chương trình KCH kênh mương.

- Các nguồn vốn khác (ngân sách huyện, chương trình mục tiêu quốc gia...) không bố trí để kiên cố hóa kênh mương, chủ yếu để phục vụ sửa chữa kênh mương và công trình thủy lợi bị hư hỏng do mưa, lũ gây ra.

4.2. Đối với Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực:

-Chính sách hỗ trợ giống bò nái hậu bị tại điểm a, khoản 1, điều 5 của Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 quy định hỗ trợ mỗi hộ, gia trại, trang trại không quá 02 con, điều này gây hạn chế trong quá trình thực hiện, do không thể

thực hiện hỗ trợ tập trung cho một cơ sở với số lượng lớn nhằm thúc đẩy sản xuất hàng hóa. Số lượng hỗ trợ giống bò nái hậu bị mỗi năm không quá 50 con, thấp so với nhu cầu thực tế của các địa phương và chưa đủ mạnh để khuyến khích thúc đẩy phát triển sản xuất.

- Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐND chỉ phân bổ chỉ tiêu 5 mô hình cho 4 huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và Thành phố Đông Hà. Tuy nhiên, nhu cầu tham gia xây dựng mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) là rất lớn nên khó khăn trong công tác chọn đối tượng tham gia mô hình.

- Đối với chính sách hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất cánh đồng lớn lúa hữu cơ, sạch có liên kết: Người dân còn gặp nhiều khó khăn về liên doanh, liên kết trong tiêu thụ sản phẩm;

- Đối với cây ăn quả đặc sản: Các địa phương còn lúng túng trong việc lựa chọn đối tượng cây ăn quả đặc sản đặc thù của địa phương;

- Trong quá trình thực hiện, cho thấy chính sách tích tụ ruộng đất quy định tại Quyết định 23/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất.

Nguyên nhân: Theo nội dung của Quyết định 23/QĐ-UBND yêu cầu điều kiện để áp dụng chính sách quy định: "*Áp dụng thuê đất quyền sử dụng đất là đất trồng lúa kém hiệu quả đất trồng lúa thiếu nước để chuyển sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn*". Tuy nhiên thực tế thời gian qua, trên địa bàn tỉnh phổ biến nhiều HTX/THT chủ yếu tích tụ ruộng đất để sản xuất lúa (như THT tại HTX Long Hưng xã Hải Phú huyện Hải Lăng...), do đó không đáp ứng được điều kiện nên không hưởng được chính sách của Nghị quyết.

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại nên số lượng các đơn vị nắm được các hoạt động và đăng ký tham gia còn chưa nhiều.

4.3. *Đối với Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐND* ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh phân bổ 3 dự án nuôi tôm trong nhà kính, nhà lưới với mức hỗ trợ 30%, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án. Do mức đầu tư cao nên khó khăn trong công tác chọn hộ tham gia dự án.

4.4. *Đối với Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND:*

- Một số xã có nhiều thôn, địa bàn rộng, mật độ chăn nuôi lớn trong khi số lượng Thú y ít nên việc đi lại nắm bắt tình hình chăn nuôi (chuyển đàn), dịch bệnh, tư vấn kỹ thuật hỗ trợ cho người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn.

- Hiện nay, một số huyện chưa thanh toán tiền phụ cấp cho đội ngũ Thú y cơ sở như huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Đakrong, Hướng Hóa dẫn đến tâm lý dao động, không có kinh phí để đi lại, hoạt động chưa nhiệt tình.

- Hiện nay, còn 02 huyện Đakrong và Hướng Hóa chưa tuyển dụng đủ số lượng nhân viên Thú y và cộng tác viên Thú y do còn một số vướng mắc trong việc thống nhất các loại văn bằng, chứng chỉ.

- Một số huyện việc chỉ đạo phối hợp của UBND các xã, phường, thị trấn đối với đội ngũ Thú y cơ sở chưa được quan tâm như huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh.

- Trình độ chuyên môn của lực lượng Thú y cơ sở chưa đồng đều, một số nhân viên mới tuyển dụng chưa có kinh nghiệm thực tế nhiều.

- Việc phối kết hợp với UBND các xã trong việc quản lý, điều hành hoạt động của đội ngũ KNV cơ sở chưa chặt chẽ, vì vậy nhiều đơn vị lực lượng khuyến nông hoạt động chưa tốt. Một số cán bộ KN còn kiêm nhiệm nhiều chức vụ khác trong xã, phường, thị trấn, các tổ HTX và thường xuyên chuyển công tác hoặc nghỉ việc để đi làm việc khác nên rất khó khăn cho công tác đào tạo và quản lý chung. Việc giải quyết chế độ bảo hiểm cho đội ngũ KNV một số địa phương còn vướng mắc.

4.5. Đối với Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND

Hiện nay, quá trình thực hiện Nghị quyết gặp khó khăn như: tỷ lệ huy động vốn đối ứng của nhân dân đối với một số công trình khá lớn, một số công trình cấp xã khó huy động; một số quy định còn vướng trong huy động các nguồn lực khác. Một số mục tiêu về nông thôn mới sẽ kết thúc vào năm 2020. Do đó cần thiết sẽ có Nghị quyết mới để triển khai chương trình cho giai đoạn tiếp theo.

5. Kiến nghị, đề xuất:

5.1. Đối với Nghị Quyết số 27/2016/NQ-HĐND:

Đề đề án kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2020 hoàn thành đúng kế hoạch, kính đề nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

- Trình Chính phủ, Bộ Tài chính hỗ trợ nguồn vốn vay ưu đãi để thực hiện kiên cố hóa kênh mương đến năm 2020 là: 99,95 tỷ đồng.

- Chỉ đạo các địa phương ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện kiên cố hóa kênh mương đúng theo kế hoạch đề án đã được phê duyệt. Trong đó:

+ Vốn theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020: 3 tỷ đồng/năm.

+ Vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới là 12 tỷ đồng/năm.

+ Vốn ngân sách huyện, thành phố, thị xã (từ nguồn thu quỹ đất, vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung được giao và các nguồn vốn lồng ghép các chương trình đầu tư phát triển trên địa bàn vốn 30a, 135...): 2 tỷ đồng/năm.

5.2. Đối với Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND

- Đối với chất lượng bò nái hỗ trợ, theo quy định tại Quyết định số 23 quy định bò nái hậu bị tỷ lệ lai từ 50% máu Zebu trở lên. Đề nghị các địa phương trước khi thực hiện hỗ trợ giống bò cần khảo sát đánh giá kỹ trình độ chăn nuôi, chất lượng đàn bò tại địa phương được hỗ trợ, để lựa chọn hỗ trợ bò giống có tỷ lệ máu lai phù hợp (*khuyến khích thực hiện hỗ trợ bò nái có tỷ lệ máu lai từ 75% máu*

Zebu trở lên).

- Đối với điều kiện và định mức hỗ trợ tại điểm a, khoản 1, điều 5 của Quyết định 23/2017/QĐ-UBND đề nghị tăng số lượng hỗ trợ giống bò nái hậu mỗi năm không quá 50 con lên mỗi năm không quá 200 con, đồng thời đề nghị bỏ giới hạn số lượng hỗ trợ mỗi hộ, gia trại, trang trại không quá 02 con.

- Để thực hiện đúng chủ trương phát triển vật nuôi chủ lực và hiệu quả của chính sách hỗ trợ, đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã phân bổ các hạng mục chăn nuôi tập trung một vài vùng trọng điểm, có điều kiện, phương thức chăn nuôi bò thâm canh phát triển.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, các địa phương theo dõi, kiểm tra kết quả, hiệu quả việc thực hiện chính sách năm 2019.

- Đề nghị tăng chỉ tiêu phân bổ mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) cho các huyện và thành phố.

- Đối với quy định về điều kiện hỗ trợ dồn ghép ruộng đất tại Quyết định 23/2017/QĐ-UBND đề nghị điều chỉnh, bổ sung điều kiện lại là: Áp dụng đất thuê quyền sử dụng đất là đất trồng lúa hoặc các loại cây trồng khác. Đất thuê phải liền vùng liền khoảnh, thời hạn thuê tối thiểu 05 năm liên tục trở lên.

- Tại Điều 4, Quyết định 23/2017/QĐ-UBND về chính sách đối với cây trồng tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh mang tính vùng miền: đề nghị thay đổi quy định từ cây ăn quả đặc sản thành cây ăn quả chủ lực được các huyện công nhận để dễ triển khai thực hiện.

5.3. Đối với Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND:

- UBND huyện Đakrong và Hướng Hóa tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban liên có kế hoạch tuyển dụng đủ số lượng theo Quyết định 13/2017/QĐ-UBND tại các xã còn thiếu để sớm ổn định mạng lưới Thú y cơ sở.

- Để công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công tác đào tạo, huấn luyện, phổ biến thông tin KHKT,... được triển khai sâu rộng, được thực hiện có hiệu quả, đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí nhiều hơn nữa đến nguồn kinh phí tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, xây dựng những mô hình trình diễn đạt hiệu quả cao, đến những mô hình nhân rộng, mô hình xóa đói giảm nghèo cho nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Để xây dựng một đội ngũ KNVCS, CTVKN thôn bản đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình sản xuất nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới:

+ Đề nghị lãnh đạo chính quyền địa phương cần quan tâm, tạo điều kiện để KNVCS có môi trường hoạt động thuận tiện hơn. Cần quan tâm, tạo điều kiện để KNV được đóng BHXH và BHYT 100%, hưởng đầy đủ phụ cấp theo quy định để họ yên tâm công tác và làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình.

+ Cần đào tạo, dạy nghề, tập huấn về KHKT nông nghiệp một cách bài bản, có hệ thống nhằm giúp KVN có năng lực, trình độ chuyên môn cao. Quá trình đào tạo

một KNVCS có chuyên môn nghiệp vụ là một quá trình lâu dài và khó khăn. Vì vậy cần có một quy định về thời gian công tác đối với KNVCS trước khi UBND xã có quyết định chuyển chuyên công tác đối với vị trí này.

+ Tăng cường phối hợp giữa Phòng Nông nghiệp & PTNT, Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt-BVTV, Trạm Thú Y và UBND các xã để chỉ đạo lực lượng KNV và CTVKN làm tốt hơn nhiệm vụ được giao.

+ Hàng năm Trạm Khuyến nông huyện được phân bổ kinh phí rất hạn chế. Vì vậy đề nghị UBND huyện quan tâm bố trí thêm ngân sách để Trạm có nguồn hỗ trợ, đào tạo nâng cao kiến thức cho đội ngũ KNV cơ sở, CTV thôn, bản để họ hoạt động có hiệu quả, yên tâm gắn bó với địa phương.

+ UBND các xã, thị trấn cần quan tâm theo dõi, chỉ đạo, quản lý, điều hành tốt đội ngũ KNV cơ sở, giao KNV xã quản lý mạng lưới CTV thôn bản trên cơ sở phải xây dựng quy chế tổ chức hoạt động theo chức, năng nhiệm vụ quy định. Đồng thời mạnh dạn giao nhiệm vụ cụ thể, có kiểm tra đánh giá thực chất về hoạt động KNV tại xã mình. Hàng năm có tổ chức đánh giá, đề ra phương hướng hoạt động một cách thiết thực và hiệu quả. Đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ KNV được tiếp tục đào tạo, thường xuyên tập huấn bổ sung kiến thức về KHKT nông nghiệp một cách bài bản, phương pháp chuyển giao KHKT cho người nông dân để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

+ Đề nghị UBND các xã, thị trấn cần quan tâm có kế hoạch bố trí một nguồn kinh phí khuyến nông để hoạt động, xây dựng mô hình tại các thôn, bản phù hợp với từng cây trồng con nuôi chủ lực của xã.

Trên đây là Báo cáo thi hành Hiến pháp, các văn bản QPPL cấp trên và Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, TTra.

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòa